

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2021

V/v Ly hôn
và tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Út**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

2. Ông **Nguyễn Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thủy Tiên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 2 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Hoàng Thúy M sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: 53/137/19, đường A, khu phố B, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: 112 Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Hoàng Thúy M trình bày: Chị và anh Trần Thanh T cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn giữa mẹ của anh T với chị vì mẹ chồng khó khăn với chị do vợ chồng chị sống chung với gia đình chồng, lúc nào mẹ chồng cũng kêu chị làm theo ý của mẹ chồng, nếu không làm theo thì mẹ chồng có thái độ hằn học khó chịu, chị nhiều lần T sự với anh T nhưng anh T vẫn im lặng không ý kiến gì, đến tháng 7/ 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

nhiều hơn do bất đồng quan điểm sống, anh T có quan hệ người phụ nữ khác không quan T đến vợ con, chị có khuyên anh T và anh cũng hứa là chấm dứt với người phụ nữ đó nhưng anh không thực hiện được và anh T tự sống ly thân với chị nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 14/7/2020 cho đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với chị anh T.

Về nuôi con chung: có 01 con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 11/8/2016, hiện đang sống với mẹ. Chị M yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm việc tại Công ty TNHH PouYuen Việt Nam Tân Tạo, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, mức lương hàng tháng khoảng 7.000.000đồng, chị đang cho con chị theo học trường mầm non Phương Nam ở B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có xác nhận của nhà trường, sáng chị đưa con chị đến trường học, chiều chị rước về, khi nào nhiều việc về trễ thì chị nhờ người thân rước dùm, mặc dù tiền lương của chị có thấp hơn so với anh T nhưng chị vẫn đảm bảo cuộc sống tốt cho con của chị.

Về chia tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Trần Thanh T trình bày tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Anh thống nhất với trình bày của chị Lê Hoàng Thúy M về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị M nêu có phần không đúng, giữa mẹ của anh với chị M không vui vẻ với nhau là do chị M làm gì cũng tự ý mà không hỏi qua ký kiến của mẹ anh, anh không có quan hệ với tình cảm của người phụ nữ khác như chị M nêu mà mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống. Hiện anh đang làm việc tại Công ty TNHH-TMSX dây và cáp điện Đ, công việc của anh là làm ở khâu kho nhận hàng nên phải tiếp xúc với nhiều khách hàng nam nữ đều có và nhiều khi cũng đi ăn nhậu tiếp khách nên vợ nghi ngờ ghen tuông, anh nhiều lần giải thích nhưng chị M không nghe và chị M tự bỏ đi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý vì thấy vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau.

Về nuôi con chung: có 01 con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 11/8/2016, hiện đang sống với chị M. Chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con anh không đồng ý, chị M chỉ mới đem con theo từ tháng 12/2020 đến nay. Do đó, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con vì anh muốn con anh có cuộc sống ổn định, thu nhập của anh hàng tháng khoảng 11.000.000đồng nên anh có điều kiện chăm lo cho con anh tốt hơn chị M trước khi chị M mang con đi thì con anh theo học trường mẫu giáo T, huyện C, tỉnh Long An có xác nhận của nhà trường, anh tự đưa rước con anh đi học. Việc chị M nuôi con có đảm bảo cuộc sống cho con anh tốt hay không thì anh không biết được vì chị M luôn cản trở không cho anh thăm con, theo anh thì mức lương của anh cao hơn chị M anh sẽ lo cho con anh tốt hơn.

Về chia tài sản và nợ chung: vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Lê Hoàng Thúy M kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Trần Thanh T là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hoàng Thúy M và anh Trần Thanh T cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Nguyên nhân dẫn đến chị M và anh T có mâu thuẫn với nhau là do bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra cả hai đều không có giải pháp để hàn gắn tình cảm dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ ngày 14/7/2020 đến nay. Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị M yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý. Qua đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh T.

[2.3] Về nuôi con chung: có con 01 chung là Trần Thanh N, sinh ngày 11/8/2016, hiện đang sống với chị M. Chị M và anh T đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

[2.4] Xét thấy chị M anh T đều có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con, cả hai đều có việc làm và thu nhập ổn định nên bên nào cũng có điều kiện để chăm lo tốt cho con chung. Tuy nhiên, mặc dù hiện nay chị M đang sống tạm trú tại 53/137/19, đường số 4, khu phố 6, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, cháu Ngân đang sống với chị M mức lương của chị M có thấp hơn so với anh T nhưng chị vẫn đảm bảo chăm lo tốt cho cuộc sống của con chị và hiện chị M cho cháu Ngân theo học tại trường mầm non Phương Nam ở B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có xác nhận của nhà trường, để cuộc sống và việc học của cháu N được ổn định nên cần chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con của chị M. Do đó, không chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi con của anh T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con."

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.6] Về tài sản và nợ chung: Chị M và anh T đều xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hoàng Thúy M và anh Trần Thanh T được ly hôn với nhau.

2. Về nuôi con chung: Chị M được quyền trực tiếp nuôi con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 11/8/2016, hiện đang sống với chị M anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con."

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh T đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Chị Lê Hoàng Thúy M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009434 ngày 03/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út